

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2019/HNGĐ-PT

Ngày: 16-01-2019

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tấn Quốc

Các Thẩm phán:

Ông Phạm Phước Thiện

Ông Lê Minh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Sang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Lê Ngọc Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 76/2018/TLPT-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2018 về việc “*tranh chấp ly hôn*”.

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 84/2018/HNGĐ-ST ngày 25 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 80/2018/QĐ-PT ngày 28 tháng 12 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Anh K, sinh năm 1986, (có mặt).

Địa chỉ cư trú: ấp T, xã T, huyện T, Thành phố Cần Thơ.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1980, (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Số 29 V, Phường 2, thành phố T, tỉnh Long An.

- *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Hữu T, bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn đề ngày 25 tháng 6 năm 2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Nguyễn Anh K trình bày:

Bà và ông Nguyễn Hữu T tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn vào ngày 07/11/2011 tại Ủy ban nhân dân xã Th, huyện T, Thành phố Cần Thơ. Sau khi cưới vợ chồng lên Thành phố Hồ Chí Minh lập nghiệp. Bà xác định cuộc sống vợ chồng ban đầu đã có nhiều bất hòa, càng về sau vợ chồng

càng có nhiều mâu thuẫn, ông T thường xuyên đi sớm về khuya, có khi không về nhà, không quan tâm đến bà, thu nhập của ông T như thế nào bà cũng không được biết. Bà đã cố gắng để hàn gắn tình cảm vợ chồng, nghĩ rằng khi có con thì ông T sẽ thay đổi nhưng sau khi bà sinh con thì sự việc lại trở nên trầm trọng hơn, bà thường phải một mình chăm lo mọi thứ cho con, ông T càng đi sớm về khuya, lại thường nói dối bà nhiều chuyện. Do con càng ngày càng lớn, chi phí sinh hoạt tại Thành phố Hồ Chí Minh một mình bà không thể lo toan nổi nên năm 2015 bà đã đưa con về nhà cha mẹ ruột ở Thành phố Cần Thơ sống, trong thời gian bà đưa con về quê sống ông T vẫn thờ ơ, không quan tâm, không chu cấp cho bà nuôi con. Càng ngày, bà càng cảm thấy bất mãn nhiều về ông T, bà xác định không còn tình cảm gì với ông T nên bà yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: bà và ông T có 01 con chung tên Nguyễn Văn Chính D, sinh ngày 24/5/2013. Khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung chưa thành niên, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: bà xác định bà và ông T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Hữu T trình bày trong quá trình giải quyết vụ án có nội dung như sau:

Ông thống nhất với lời trình bày của bà K về quá trình chung sống, kết hôn. Tuy nhiên, ông T cho rằng vợ chồng không xảy ra mâu thuẫn gì lớn, thời gian bà K về Cần Thơ sinh sống thì ông ở lại Thành phố Hồ Chí Minh lo làm ăn, ông vẫn thường gửi tiền về cho bà K nuôi con và vẫn thường về Cần Thơ thăm vợ con, ông xác định tình cảm vợ chồng vẫn không có gì thay đổi. Năm 2017 gia đình ông có đề nghị bà K lên Long An sống nhưng bà K không chịu lên sống cùng ông. Ông xác định tuy bà K đã làm ông buồn và cảm thấy hụt hẫng trong cuộc sống rất nhiều nhưng ông vẫn còn tình cảm với bà K, ông không đồng ý ly hôn.

Về con chung: ông T xác định ông và bà K có 01 con chung tên Nguyễn Văn Chính D, sinh ngày 24/5/2013. Trường hợp Tòa án cho ly hôn thì ông T có yêu cầu được nuôi con chung chưa thành niên, không yêu cầu bà K cấp dưỡng nuôi con, ông không đồng ý giao con chung cho bà K trực tiếp nuôi dưỡng. Trường hợp phải giao con cho bà K trực tiếp nuôi dưỡng thì ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: ông xác định ông và bà K tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 84/2018/HNGĐ-ST ngày 25 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố T căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về

mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.
Tuyên xử:

Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Anh K và ông Nguyễn Hữu T.

Về nuôi con chung:

Giao con chung chưa thành niên tên Nguyễn Văn Chính D, sinh ngày 24/5/2013 cho bà Nguyễn Anh K trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông Nguyễn Hữu T không phải cấp dưỡng nuôi con do bà Nguyễn Anh K không có yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Người trực tiếp nuôi con được quyền yêu cầu hạn chế quyền thăm nom nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom làm ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc giáo dục con chung. Vì quyền lợi của con chung, các bên hoặc một bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con chung cũng như mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí; quyền kháng cáo.

Ngày 05/11/2018, ông Nguyễn Hữu Tín kháng cáo yêu cầu bác đơn xin ly hôn của bà K, trường hợp Tòa án xử cho ly hôn thì ông yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu bà K cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bà K không rút đơn khởi kiện; ông T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; các bên không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thống nhất với các ý kiến đã trình bày.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về chấp hành pháp luật: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng những quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật.

Về việc giải quyết kháng cáo: Bà K và ông T đã ly thân từ năm 2015 cho đến nay, bà K xác định không còn tình cảm với ông T và ông T cũng không có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng. Vì vậy, ông T kháng cáo không đồng ý ly hôn là không có căn cứ. Cháu D đang sống với bà K, điều kiện nuôi con của bà K là đảm bảo, cấp sơ thẩm tiếp tục giao con cho bà K nuôi dạy là phù hợp nên ông T yêu cầu nuôi con là không có căn cứ. Đề nghị bác kháng cáo của ông T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về kháng cáo không đồng ý ly hôn:

[2] Bà K xác định không còn tình cảm với ông T và cho rằng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, ông T không quan tâm lo lắng cho vợ con nên kiên quyết yêu cầu ly hôn.

[3] Xét thấy, tình trạng vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt và bà K đã không còn tình cảm với ông T nên cấp sơ thẩm xử cho ly hôn là có căn cứ. Ông T kháng cáo không đồng ý ly hôn là không có căn cứ chấp nhận.

[4] Về kháng cáo yêu cầu nuôi con chung: Từ khi vợ chồng ly thân cháu D sống với bà K, bà K có thu nhập ổn định, điều kiện nuôi dạy con là đảm bảo còn ông T làm nghề tự do, thu nhập không ổn định nên cấp sơ thẩm giao con cho bà K tiếp tục nuôi dạy là phù hợp. Ông T kháng cáo yêu cầu được trực tiếp nuôi con là không có căn cứ chấp nhận.

[5] Về án phí phúc thẩm ông T phải chịu do không chấp nhận kháng cáo.

[6] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên là có căn cứ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho bà Nguyễn Anh K được ly hôn với ông Nguyễn Hữu T.

2. Về nuôi con chung:

Giao con chung tên là Nguyễn Văn Chính D, sinh ngày 24/5/2013 cho bà Nguyễn Anh K trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông Nguyễn Hữu T không phải cấp dưỡng nuôi con do bà Nguyễn Anh K không có yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Người trực tiếp nuôi con được quyền yêu cầu hạn chế quyền thăm nom nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom làm ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc giáo dục con chung. Vì quyền lợi của con chung, các bên hoặc một bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con chung cũng như mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Anh K phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai

thu số 0002239 ngày 02/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T; bà K nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

4. Về án phí phúc thẩm: Ông Nguyễn Hữu T phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0002499 ngày 05/11/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T; ông T nộp đủ án phí phúc thẩm.

5. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Tp. Hồ Chí Minh
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Tấn Quốc